

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Thanh Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Mai Hương;

Ông Hoàng Văn Vận.

-Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thuỳ Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 14-6-2023, Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn N chung sống cùng nhau từ năm 2003 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 14/01/2004. Trước khi kết hôn anh chị không được tự do tìm hiểu nhau mà do gia đình mai mối. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường, được khoảng 2-3

năm thì vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Hoàng Văn N không chịu lao động, không tu trí làm ăn, mấy năm gần đây sa vào tệ nạn xã hội (nghiện ma túy), lấy đồ đạc trong nhà đi bán, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lần anh Hoàng Văn N đánh chị Hà Thị N, dọa đốt nhà. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 2 năm 2022 đến nay, chị Hà Thị N và các con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn sinh sống. Còn anh Hoàng Văn N sống một mình tại Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian ly thân không ai có hành động gì hàn gắn tình cảm, không quan tâm nhau cũng không yêu thương nhau. Nay chị Hà Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Thị X, sinh ngày 24/10/2004 đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 08/01/2006. Từ khi ly vợ chồng sống ly thân và trong quá trình giải quyết vụ án cháu Hoàng Văn D sống cùng chị Hà Thị N. Khi ly hôn chị Hà Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Văn D đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị N không yêu cầu anh Hoàng Văn N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Hoàng Văn N. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/7/2023 và văn bản trình bày không ghi ngày của bị đơn anh Hoàng Văn N trình bày: Anh và chị Hà Thị N chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2022 anh bị bệnh dạ dày, tá tràng phải đi điều trị ở bệnh viện nhưng chị Hà Thị N không quan tâm, chăm sóc. Sau khi anh ra viện về nhà anh vẫn phải nằm liệt giường 7-8 tháng nhưng chị Hà Thị N bỏ đi làm thuê không ở nhà chăm sóc anh, chặn số điện thoại anh nên anh không thể liên lạc được với chị Hà Thị N. Nay chị Hà Thị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn, nhưng chị Hà Thị N quyết định muốn đi thì đi, muốn về thì về. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Thị X, sinh ngày 24/10/2004 đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 08/01/2006. Khi vợ chồng ly hôn cháu Hoàng Văn D muốn ở với ai do cháu quyết định, hiện nay anh không có khả năng nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý để chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Văn D đến khi đủ 18 tuổi và chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Vì lý do sức khỏe anh Hoàng Văn N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giải quyết, xét xử vắng mặt anh tại Tòa án.

Tại Bản khai ngày 17/7/2023, cháu Hoàng Văn D trình bày: Từ khi cháu lớn lên thấy bố mẹ không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau nhưng cháu không biết lý

do. Nay mẹ yêu cầu ly hôn với bố cháu không có ý kiến gì, trường hợp bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ là chị Hà Thị N.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng, ngày 28/7/2023, ông Hà Văn Thứ là bố đẻ của chị Hà Thị N trình bày: Chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn N được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi cho từ năm 2003, thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường nhưng sau đó anh Hoàng Văn N nghiện ma túy nên thường xuyên mang đồ đạc trong gia đình đi bán, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nhiều lần anh Hoàng Văn N đánh chị Hà Thị N, chị phải bỏ ra đòi trốn hoặc bỏ về nhà ông. Vợ chồng chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn N đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2022, chị Hà Thị N và các cháu về sống cùng vợ chồng ông tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, cũng không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Nay chị Hà Thị N yêu cầu ly hôn, ông không có ý kiến gì. Về con chung: Vợ chồng chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn N có 02 con chung là cháu Hoàng Thị X, sinh ngày 24/10/2004 đã trên 18 tuổi và cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 08/01/2006. Các cháu và chị Hà Thị N đều đang sống cùng vợ chồng ông, vợ chồng ông có hỗ trợ chị Hà Thị N về kinh tế để nuôi con bằng việc cho chị Hà Thị N khai thác nhựa thông rừng của vợ chồng ông. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Do bận công việc làm ăn nên ông Hà Văn Thứ đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người làm chứng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn N tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 14/01/2004. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 đến nay. Anh Hoàng Văn N không muốn ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong thời gian ly thân hai bên không ai có hành động gì để hàn gắn tình cảm. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được chị Hà Thị N xin ly hôn với anh Hoàng Văn N là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn N. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Thị X, sinh ngày 24/10/2004 đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 08/01/2006. Cháu Hoàng Văn D có nguyện vọng

ở với mẹ là chị Hà Thị N. Xét thấy cháu Hoàng Văn D hiện đang sống với chị Hà Thị N và có nguyện vọng được sống cùng với chị Hà Thị N sau khi bố mẹ ly hôn. Anh Hoàng Văn N hiện tại không có thu nhập ổn định nên không đảm bảo điều kiện nuôi con. Chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn N đều thống nhất ý kiến để chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Văn D đến khi đủ 18 tuổi và anh Hoàng Văn N chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 08/01/2006 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn N chưa phải cấp dưỡng do chị Hà Thị N không yêu cầu. Anh Hoàng Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Hoàng Văn N.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn N, cư trú tại Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn N tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 14/01/2004. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 đến nay. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2023 anh Hoàng Văn N trình bày anh không đồng ý ly hôn với chị Hà Thị N, chị Hà Thị N quyết định muốn đi thì đi, muốn về thì về. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa anh Hoàng Văn N đều vắng mặt thể hiện anh không có hành động muốn hàn gắn tình cảm với chị Hà Thị N. Trong thời gian ly thân hai bên không ai có hành động gì để hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn N có 02 con chung là cháu Hoàng Thị X, sinh ngày 24/10/2004 đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 08/01/2006. Cháu Hoàng Văn D hiện đang sống với chị Hà Thị N và có nguyện vọng được sống cùng với chị Hà Thị N sau khi bố mẹ ly hôn. Anh Hoàng Văn N hiện tại không có thu nhập ổn định nên không đảm bảo điều kiện nuôi con. Chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn N đều thống nhất ý kiến để chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Văn D đến khi đủ 18 tuổi và anh Hoàng Văn N chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị Hà Thị N đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung nên giao con chung là cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 08/01/2006 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn N chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Hà Thị N chưa yêu cầu. Anh Hoàng Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị N và anh Hoàng Văn N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Thị N là người dân tộc thiểu số (Tày) sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2013, quyển số 01/2004, đăng ký ngày 14-01-2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 08/01/2006 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hà Thị N chưa yêu cầu. Anh Hoàng Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Hoàng Văn N thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Thị N được miễn nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Thanh Long